

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1887/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia - công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 2208/STNMT-QLMT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia - công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4305/TTr-STNMT ngày 26 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia - công suất 22.500 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát thực hiện tại khu phố Hưng Phú, phường Long Hưng, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Gò Công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Long Hưng và Tổng giám đốc Công ty TNHH Sản xuất trái cây Hùng Phát căn cứ Quyết định thi hành./.

Đm
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Nguyên. *long*



KT. CHỦ TỊCH *Mezu*
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Long

**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất
mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia**
(Kèm theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về dự án

a) Thông tin chung:

Tên dự án: Nhà máy sản xuất mứt, bảo quản và chế biến trái cây, rau, củ, quả Andros Asia.

Địa điểm thực hiện dự án: khu phố Hưng Phú, phường Long Hưng, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH sản xuất Trái cây Hùng Phát.

b) Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô: tổng diện tích thực hiện dự án 33.061,8 m².

- Công suất: 22.500 tấn sản phẩm/năm.

c) Công nghệ sản xuất:

- Quy trình sản xuất trái cây đông IQF: nhận nguyên liệu → ủ chín (nếu cần) → phân loại và kiểm tra → rửa nguyên liệu → sơ chế nguyên liệu → rửa lại lần 2 → tạo hình → kiểm tra → cấp đông IQF → dò kim loại → đóng bao PE → đóng thùng carton → trữ hàng kho lạnh → xuất bán.

- Quy trình sản xuất Puree trái cây đông lạnh: nguyên liệu → rửa → chần và nghiền → tách vỏ, cuống, hạt → ly tâm (Decanter) → bồn chứa trung gian → bài khí → lọc → đồng hóa → gia nhiệt → thanh trùng → chiết rót và đóng gói → cấp đông kho/ trữ đông → xuất hàng.

- Quy trình sản xuất trái cây tẩm đường (kẹo, mứt): trái cây sau khi đã sơ chế → kiểm tra → chần nguyên liệu → thêm đường → làm mát → dò kim loại → chiết rót → đóng gói → lưu kho chờ xuất.

d) Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án: kho ủ trái cây, phòng thí nghiệm, phòng nguyên vật liệu, phòng chế biến 1, phòng chế biến 2, phòng chế biến 3, phòng bao bì sản phẩm, kho đệm trung chuyển, kho cấp đông, kho trữ lạnh hiện hữu, kho trữ lạnh xây mới, phòng trung chuyển, phòng làm việc, phòng máy, hồ nước sản xuất, hồ nước chữa cháy, đài nước cấp cho sản xuất, nhà vệ sinh, kho bao bì 1, kho bao bì 2, kho bao bì 3, kho hóa chất, phòng vận hành nước thải, phòng giặt bảo hộ lao động, kho vật tư, phòng làm việc, phòng máy, phòng thay đồ, phòng dụng cụ, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, trạm điện, nhà bảo vệ, hồ nước thủy cục, kho vật tư bao bì, phòng thay bảo hộ công nhân nữ, phòng thay bảo hộ công nhân nam, phòng rửa tay công nhân, phòng chứa hóa chất độc hại,

khu vực chứa nhiên liệu (Gas).

- Hạng mục công trình phụ trợ: đường nội bộ và cây xanh, nhà ở, nhà xe.

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: khu vực hệ thống xử lý nước thải (công suất 1.500 m³/ngày đêm) diện tích 2.450 m², khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt diện tích 3,0 m², khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 50 m², khu vực chứa chất thải nguy hại diện tích 4,5 m².

- Hoạt động của dự án đầu tư:

- + Giai đoạn thi công, xây dựng: đào móng, san lấp mặt bằng; xây dựng các hạng mục công trình mới như kho lạnh, hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày đêm; lắp đặt máy móc, thiết bị của kho lạnh, hệ thống xử lý nước thải; hoàn thiện dự án

- + Giai đoạn vận hành: vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất: trái cây, nguyên liệu phụ trợ,...; vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; hoạt động vận hành hệ thống sản xuất; thu gom, phân loại, lưu trữ, tái sử dụng và xử lý các loại chất thải phát sinh tại dự án, bao gồm: nước thải, chất thải rắn,...

đ) Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: căn cứ theo khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án thì dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

- + Hoạt động phát quang, san gạt mặt bằng, thi công đào đắp đất, xây dựng các hạng mục công trình, quá trình vận chuyển cát san lấp ao, quá trình vận chuyển, tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn trong quá trình.

- + Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc của các phương tiện vận chuyển, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung.

- + Hoạt động hàn phát sinh khí thải.

- + Hoạt động sơn phát sinh hơi dung môi.

- + Hoạt động thi công xây dựng phát sinh nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành:

- + Hoạt động giao thông phát sinh bụi, khí thải.
- + Hoạt động của lò hơi đốt gas LPG, máy phát điện dự phòng phát sinh khí thải.
- + Hoạt động sản xuất phát sinh nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

a) Nước thải, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công, tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày đêm.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại nhà máy hiện hữu, tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 42,72 m³/ngày đêm.

Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃³⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.

Nước thải xây dựng: phát sinh từ súc rửa, vệ sinh các dụng cụ thi công như máy trộn bê tông, thước, bay, thùng xô đựng vữa..., nước làm mát các thiết bị máy móc thi công thường, nước rửa bánh xe (xe vận chuyển nguyên vật liệu), lưu lượng khoảng 1,1 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải xây dựng gồm: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng,...

Nước thải sản xuất từ nhà máy hiện hữu: phát sinh từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh nhà xưởng, dụng cụ sản xuất, khu vực lưu trữ rác thải sản xuất, xả đáy lò hơi, khu vực giặt,... tổng lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng 408,31 m³/ ngày đêm. Nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH: 5,12, BOD₅: 592 mg/L, COD: 1.314 mg/L, TSS: 151 mg/L, N-NH₄⁺: 4,54 mg/L, tổng Nitơ (tính theo N): 14,8 mg/L, tổng Phospho (tính theo P): 1,03 mg/L, Sunfua (tính theo H₂S): 0,084 mg/L, tổng dầu mỡ khoáng: 9,7 mg/L, tổng Coliforms: 3,8x10⁵ MPN/100mL.

+ Khí thải:

Hoạt động phát quang, san gạt mặt bằng, thi công đào đắp đất, san lấp ao hiện hữu, tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng, xây dựng các hạng mục công trình phát sinh bụi.

Hoạt động của các phương vận chuyển nguyên, vật liệu, máy móc, thiết bị

thi công phát sinh bụi, khí thải, thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC....

Hoạt động hàn phát sinh khí thải, thành phần chủ yếu gồm các oxit kim loại: Fe_2O_3 , SiO_2 , K_2O , CaO, CO, NO_x ,...

Hoạt động sơn phát sinh hơi dung môi, nồng độ các thông số ô nhiễm khoảng: Styren: $3,319 \text{ mg/m}^3$, Benzen: $0,946 \text{ mg/m}^3$, Xylen: $4,605 \text{ mg/m}^3$, Butanol: $3,492 \text{ mg/m}^3$.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân: lưu lượng khoảng $43,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD_5 , TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng Coliforms.

Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động như quá trình rửa nguyên liệu trái cây, nước vệ sinh dụng cụ sản xuất, rửa sàn. Lưu lượng phát sinh khoảng $790 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: pH: 5,12, BOD_5 : 592 mg/L , COD: 1.314 mg/L , TSS: 151 mg/L , N-NH_4^+ : $4,54 \text{ mg/L}$, tổng Nitơ (tính theo N): $14,8 \text{ mg/L}$, tổng Phospho (tính theo P): $1,03 \text{ mg/L}$, Sunfua (tính theo H_2S): $0,084 \text{ mg/L}$, tổng dầu mỡ khoáng: $9,7 \text{ mg/L}$, tổng Coliforms: $3,8 \times 10^5 \text{ MPN/100mL}$.

Nước thải phát sinh từ các hoạt động khu vực nhà giặt, tháp giải nhiệt, xả đáy lò hơi, hệ thống lọc nước cấp. Lưu lượng phát sinh khoảng $33,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sản này bao gồm: TSS, BOD_5 , COD, chất hoạt động bề mặt, độ đục.

+ Khí thải:

Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm, phương tiện giao thông của công nhân ra vào khu vực dự án phát sinh bụi, khí thải. Thành phần các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC,...

Hoạt động của 01 lò hơi đốt gas LPG công suất 500 kg hơi/giờ phát sinh khí thải với lưu lượng khoảng $448 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Nồng độ các thông số ô nhiễm khoảng: Bụi: $54,4 \text{ mg/Nm}^3$, SO_2 : $0,62 \text{ mg/Nm}^3$, NO_x : 184 mg/Nm^3 , CO: $24,67 \text{ mg/Nm}^3$, VOC: $15,32 \text{ mg/Nm}^3$,...

Hoạt động của 01 máy phát điện dự phòng công suất 550 kVA và 01 máy phát điện dự phòng công suất 1.250 kVA sử dụng nhiên liệu dầu DO phát sinh lưu lượng khí thải khoảng $8.746,16 \text{ m}^3/\text{h}$. Nồng độ các thông số ô nhiễm khoảng: Bụi: $75,847 \text{ mg/Nm}^3$, SO_2 : $10,148 \text{ mg/Nm}^3$, NO_2 : $365,678 \text{ mg/Nm}^3$, CO: $10,169 \text{ mg/Nm}^3$.

Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: thành phần các thông số ô nhiễm là CH_4 (chiếm 40 - 60%), CO_2 (chiếm 40 - 60%), N_2 (chiếm 2 - 5%), NH_3 (chiếm 0,1 - 1%), H_2S , Mercaptan và các hợp chất chứa lưu huỳnh (chiếm 0,1 - 1%), còn lại là các khí khác (CO , H_2 ,...).

Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập trung rác thải: thành phần chất gây ô nhiễm gồm CH_4 , NH_3 , H_2S .

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng, khối lượng phát sinh khoảng 30kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên làm việc tại nhà máy hiện hữu, khối lượng phát sinh khoảng 260 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: thực phẩm thừa, giấy, nhựa thải,...

Quá trình phát quang, san lấp mặt bằng phát sinh chất thải rắn với khối lượng sinh khối phát sinh khoảng 0,86 tấn. Thành phần chủ yếu là sinh khối thực vật.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng với khối lượng khoảng 94 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: sắt, thép vụn, gạch vụn, cát, đá, xi măng rơi vãi, vôi vữa, bê tông rơi vãi, các bao bì carton, bao đựng xi măng, dây buộc,... và các chi tiết máy, phụ kiện, máy móc thiết bị hư hỏng (không dính dầu mỡ). Ngoài ra, khối lượng cặn, bùn lắng từ hồ lắng tạm nước thải xây dựng ước lượng phát sinh khoảng 0,5 m³/tháng.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy hiện hữu với khối lượng phát sinh khoảng 30,07 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: vỏ, cuống, trái cây hư hỏng, bao bì, thùng carton,...

+ Chất thải nguy hại:

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu của máy móc thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, khu lán trại,... phát sinh khối lượng khoảng 37kg/ tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, cặn sơn thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại,...

Hoạt động của nhà máy hiện hữu phát sinh khối lượng khoảng 84 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại, chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, hộp mực in, photo có chứa thành phần nguy hại thải, bao bì kim loại cứng chứa hóa chất thải,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân: tổng khối lượng phát

sinh khoảng 544 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, các loại bao bì, giấy loại, túi nilông, thủy tinh, vỏ lon nước giải khát,...

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Hoạt động sản xuất phát sinh khối lượng chất thải khoảng 45 tấn/ngày, thành phần chủ yếu gồm: vỏ trái cây các loại, hạt trái cây các loại, cùi, cuống, trái cây hư hỏng,...

Hoạt động văn phòng phát sinh một lượng chất thải khoảng 30 - 45 kg/ngày, thành phần chủ yếu gồm: giấy vụn, bìa carton, bao bì nhựa và các bao bì đựng trái cây, sản phẩm hư hỏng,....

Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại với khối lượng khoảng 13,66 kg/ngày. Bùn, cặn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung lượng 241,15 kg/ngày.

+ Chất thải nguy hại: hoạt động sản xuất phát sinh khối lượng chất thải nguy hại khoảng 600kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: dầu nhớt thải, hộp mực in thải có các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau dính dầu nhớt, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng kim loại, hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại,...

c) Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tiếng ồn cộng hưởng phát sinh từ các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công ở khoảng cách 10m khoảng 72 dBA, ở khoảng cách 20m khoảng 65,4 dBA.

+ Độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công ở khoảng cách 10m khoảng 82dB, ở khoảng cách 16m khoảng 53,8dB.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất, hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm,... phát sinh tiếng ồn khoảng từ 69,2 dBA đến 72,6 dBA.

d) Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: tác động do các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ,... ảnh hưởng rất lớn đến tính mạng con người cũng như tài sản và môi trường xung quanh.

- Giai đoạn vận hành: tác động do các sự cố bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, lò hơi, máy phát điện, hệ thống gas LPG, kho chứa chất thải, hóa chất, sự cố cháy nổ ảnh hưởng rất lớn đến tính mạng con người cũng như tài sản và môi trường xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Giai đoạn thi công, xây dựng:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công, xây dựng và của công nhân sản xuất tại nhà máy hiện hữu được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu, công suất 600m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1$)

Nước thải xây dựng: được thu gom và dẫn về hố lắng tạm bằng bạt HDPE có thể tích 6m³ (kích thước 2m×1,5m×2m). Hố lắng tạm nước thải xây dựng được bố trí tại khu vực công trường thi công. Sử dụng các thiết bị thấm dầu mỡ như tấm vải lọc dầu/giấy thấm dầu/một thấm dầu để thu gom dầu mỡ. Nước tại hố lắng tạm được tái sử dụng hoàn toàn vào trong quá trình tưới nước chống bụi, bảo dưỡng bê tông.

Nước thải sản xuất của nhà máy hiện hữu: thực hiện theo Giấy phép số 16/GPMT-UBND ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, nước thải sản xuất sau khi phát sinh sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu công suất 600m³/ngày đêm.

Quy trình công nghệ xử lý như sau: nước thải từ các nguồn → song chắn rác thô → bể thu gom → tách rác tinh → bể điều hòa → bể DAF → bể SBR → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (kênh Bến Xe).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, xử lý bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1$) khi thải vào kênh Bến Xe.

+ Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, tổng thể tích bể tự hoại khoảng 180 m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày.đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1$) khi thải vào Kênh bến xe.

Nước thải sản xuất: được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1$) trước khi thải vào kênh Bến Xe.

Nước thải phát sinh từ các hoạt động khác (nước thải nhà giặt, nước thải xả đáy lò hơi,...): được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất

1.500 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1$) trước khi thải vào kênh Bến Xe.

Quy trình công nghệ xử lý như sau: nước thải từ các nguồn → bể thu gom → hầm bơm (T01) → bể điều hòa (T02) → bể phân phối (T03) → bể hiếu khí (T04-A/B) → bể lắng sinh học (T05-A) → bể khử trùng (T06) → hồ ga giám sát nước thải sau xử lý → nguồn tiếp nhận (kênh Bến Xe).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: nước thải phát sinh trong quá trình vận hành được thu gom, xử lý bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1$) trước khi thải vào kênh Bến Xe.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang, san gạt mặt bằng, thi công đào đắp đất: san ủi vật liệu ra ngay sau khi được tập kết. Tận dụng lượng đất đào để đắp các khu vực thấp trũng, đắp nền đường nội bộ, đắp đất trồng cây xanh. Phun nước làm ẩm mặt bằng thi công ít nhất là 02 lần trong một ngày. Bố trí thời gian hoạt động phù hợp với thời tiết.

Bụi phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình: sử dụng tôn cao khoảng 2m để che chắn khu vực công trường để hạn chế bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh. Phủ bạt kín các khu vực tập trung nguyên vật liệu có khả năng gây bụi như cát, xi măng,... Phun nước làm ẩm bề mặt khu vực công trường thi công và bề mặt khu vực đường gần dự án, tần suất 2 lần/ngày. Áp dụng biện pháp thi công cuốn chiếu theo từng giai đoạn xây dựng cụ thể, nhanh gọn theo trình tự trước - sau hợp lý giữa việc thi công các hạng mục công trình cơ bản. Lập kế hoạch thi công và kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp. Hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm. Vệ sinh, dọn dẹp công trường sau mỗi ca làm việc. Sử dụng các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công đã được kiểm định đạt chất lượng.

Bụi, khí thải của các phương tiện từ hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu: bố trí các chuyến xe chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng ra vào hợp lý, tránh chồng chéo gây ùn tắc giao thông nơi công ra vào của công trình. Các phương tiện giao thông đi ra khỏi công trường phải kiểm tra vệ sinh, rửa bụi đất. Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ xe, sử dụng phương tiện vận chuyển đã kiểm định của đơn vị có chức năng, đảm bảo khối lượng khí thải và độ ồn phát sinh khi hoạt động đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Xe chở vật liệu chở đúng tải trọng theo quy định. Dùng vải bạt phủ kín các xe chuyên chở nguyên, vật liệu. Tưới nước các tuyến đường vận

chuyên trên công trường vào những ngày nắng nóng với tần suất 02 lần/ ngày.

Bụi phát sinh do quá trình san lấp ao hiện hữu: sử dụng tôn cao khoảng 02m để che chắn khu vực san lấp ao hiện hữu. Hạn chế thi công san lấp ao vào cáo thời điểm có gió mạnh.

Bụi phát sinh từ quá trình tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng: trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình bốc dỡ nguyên, vật liệu. Đối với việc lưu trữ vật liệu xây dựng: xi măng được tập kết và bảo quản tại kho chứa, cát được bảo quản ngoài trời có bạt che mưa và chống phát tán bụi. Lập kế hoạch thi công và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn thi công.

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công: sử dụng các thiết bị, máy móc thi công được cơ quan có thẩm quyền kiểm định, cấp phép hoạt động, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Nhắc nhở đơn vị thi công thường xuyên kiểm tra kỹ thuật, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, thay nhớt cho các máy móc phục vụ thi công.

Khí thải phát sinh từ hoạt động hàn: trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp tại công đoạn hàn như kính, khẩu trang, găng tay ... Sử dụng máy hàn có công nghệ hiện đại để giảm thiểu tối đa khí thải phát sinh. Trong quá trình hàn cắt kim loại phải tổ chức che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m), không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy. Sử dụng que hàn có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đạt tiêu chuẩn sử dụng trong xây dựng.

Hơi dung môi phát sinh từ hoạt động sơn: trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp tại công đoạn sơn như kính, khẩu trang, găng tay. Sử dụng sơn đạt tiêu chuẩn theo quy định.

+ Giai đoạn vận hành:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông: sử dụng dầu DO có hàm lượng S = 0,05%, thường xuyên kiểm tra và bảo trì, đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt. Sử dụng phương tiện vận chuyển đã được cơ quan có chức năng kiểm định. Quá trình vận chuyển phải phủ kín thùng xe bằng bạt và chở đúng tải trọng cho phép. Vào những ngày hanh khô, nhiều gió, tiến hành phun nước trên các tuyến đường nội bộ. Toàn bộ các tuyến đường giao thông nội bộ được bê tông hóa để giảm thiểu phát sinh bụi. Thực hiện việc trồng cây xanh và thảm cỏ trong khu vực dự án để tạo bóng mát và cảnh quan.

Khí thải từ lò hơi đốt gas LPG: khu vực bố trí lò hơi đặt riêng biệt và cách ly khu sản xuất, văn phòng. Công nhân vận hành lò hơi phải có hiểu biết đầy đủ về sự hoạt động của lò hơi và vận hành lò hơi đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo quá trình cấp nguyên liệu không dư thừa, rò rỉ. Khu vực lò hơi phải được thông

gió tốt.

Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng: chỉ hoạt động máy phát điện trong trường hợp bị cúp điện. Sử dụng loại dầu có tỷ lệ % S thấp (dầu DO) để giảm thiểu nồng độ SO_2 trong khí thải. Máy phát điện được đặt trong nhà cách ly bảo đảm khoảng cách an toàn, thoáng khí và cách xa khu vực sản xuất. Thường xuyên tiến hành và bảo dưỡng định kỳ máy phát điện.

Khí thải khu vực xử lý nước thải: đối với bể tự hoại: thường xuyên thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu; thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi; định kỳ cho tiến hành hút hầm cầu. Đối với hố lắng: Thường xuyên thu gom cặn lắng sạch sẽ; thường xuyên theo dõi đường ống thoát nước từ hố lắng; vệ sinh định kỳ hố lắng. Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được hướng dẫn và thực hiện đúng quy trình, thao tác đúng trình tự, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động hiệu quả.

Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập trung rác thải: đặt cách ly với khu vực sản xuất, đặt tại nơi thoáng khí; hàng ngày quét dọn, vệ sinh khu vực này; hạn chế lây lan mầm bệnh do côn trùng; hợp đồng với đơn vị thu gom; không lưu chứa rác quá 1 ngày tại điểm tập kết; phát hiện có côn trùng thì nhanh chóng phun xịt các chế phẩm diệt côn trùng.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải trong các giai đoạn của dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định.

b) Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị các thùng chứa dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy tại khu vực công trường xây dựng, khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, dọc đường nội bộ,... để thu gom toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng và công nhân viên làm việc tại nhà máy; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

Chất thải từ hoạt động phát quang, san lấp: khối lượng sinh khối phát quang chủ yếu là cỏ dại, lượng sinh khối này sẽ được thu gom và xử lý đúng quy định.

Chất thải rắn xây dựng: thực hiện thu gom, phân loại và tái sử dụng theo quy định. Các chất thải không thể tái sử dụng được hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy hiện hữu: thực hiện theo Giấy phép số 16/GPMT-UBND ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, phân định, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý bảo đảm các yêu

cầu về vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt: trang bị các thùng rác nhựa HDPE có nắp đậy tại khu vực xưởng, đường nội bộ,... để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; cuối ngày toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được tập trung vào khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định. Bố trí khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 3,0m².

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí các khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích 50 m² gồm: lượng chất thải trong khu vực sản xuất sẽ theo băng chuyền tự động đưa ra ngoài và đưa trực tiếp vào xe thu gom đậu sẵn bên ngoài và mang đi xử lý theo đúng quy định. Chất thải phát sinh tại khu vực văn phòng được thu gom mang về khu vực lưu chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom định kỳ. Khu vực lưu chứa có bố trí mái che tránh để nước mưa rơi vào, có rãnh thu gom nước rỉ rác và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Đối với bùn thải từ bể tự hoại định kỳ 6 tháng/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng trong khu vực đến hút và đưa đi xử lý. Đối với bùn thải của hệ thống xử lý nước thải định kỳ sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: chất thải rắn được phân định, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn thi công, xây dựng: Toàn bộ chất thải nguy hại tại nhà máy hiện hữu và công trường thi công được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng lưu chứa chất thải nguy hại, mỗi loại chất thải chứa trong 01 thùng riêng biệt, có dán tên, mã chất thải theo quy định; phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Giai đoạn vận hành: Thu gom vào các thùng chứa, mỗi loại chất thải được lưu giữ trong 01 thùng riêng biệt, bên ngoài mỗi thùng có dán tên, mã chất thải theo yêu cầu. Kho lưu chứa chất thải có diện tích 4,5 m². Thực hiện quản lý theo

quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Lập kế hoạch thi công hợp lý, điều tiết, không hoạt động đồng thời tất cả các phương tiện máy móc cùng thời điểm để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn và độ rung. Hạn chế hoạt động thi công vào các giờ nghỉ ngơi.

+ Dùng tôn cao 02m tạo tường chắn tạm thời, che chắn xung quanh để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến dân cư sinh sống xung quanh.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ kiểm tra các phương tiện vận chuyển, các chi tiết máy móc, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

+ Quy định giới hạn tốc độ của xe khi hoạt động trong khu vực thi công.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Xây dựng các nhà xưởng sản xuất riêng biệt với khu vực văn phòng.

+ Máy móc, thiết bị sẽ được lắp đặt và vận hành đúng kỹ thuật.

+ Thực hiện bảo dưỡng, bảo trì máy móc định kỳ để đảm bảo chế độ làm việc tốt nhất cho máy móc và hệ thống quạt.

+ Trang bị nút bịt tai chống ồn cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất.

+ Thực hiện các chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian làm việc đối với người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Bố trí thời gian vận chuyển hàng hóa hợp lý.

+ Xe vận chuyển đúng tải trọng theo quy định, chạy đúng vận tốc cho phép.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Trong quá trình triển khai thi công, xây dựng và vận hành dự án phải đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

d) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Sự cố an toàn giao thông: bố trí thời gian vận chuyển thích hợp; các phương tiện vận chuyển đã được đơn vị có chức năng kiểm định, tuân thủ và đảm bảo an toàn giao thông khi hoạt động; yêu cầu công nhân tham gia giao thông tuân thủ đúng quy định.

+ Sự cố an toàn lao động: bố trí cán bộ thường xuyên giám sát công trình và an toàn lao động trong quá trình thi công, xây dựng; trang bị kiến thức về an toàn lao động và cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân; lắp đặt các biển báo, biển chỉ dẫn tại công trường,...

+ Sự cố cháy nổ: thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy; các nguyên, nhiên liệu dễ cháy nổ như xăng, dầu,... được lưu trữ tại các kho chứa cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng gây cháy, nổ và đặt các biển báo cấm lửa; lắp đặt các thiết bị chữa cháy, bình CO₂ tại khu vực kho chứa nguyên, nhiên liệu, khu vực lán trại tạm của công nhân; định kỳ kiểm tra độ an toàn các thiết bị phòng chống cháy nổ,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Sự cố cháy nổ: thực hiện đúng các quy định về phòng cháy, chữa cháy; trang bị hệ thống báo cháy khi có sự cố và chấp hành nghiêm chỉnh những quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà kho; trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, bình CO₂,... tại khu vực xưởng; các máy móc, thiết bị được theo dõi, kiểm tra thường xuyên các thông số kỹ thuật; tập huấn, tổ chức diễn tập công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm cho các cán bộ công nhân viên; thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy, phương tiện phòng cháy chữa cháy,...

+ Sự cố về môi trường:

Sự cố bể tự hoại: bể tự hoại được thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chứa và xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh.

Sự cố kho chứa chất thải: xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che; mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục sự cố xảy ra; kết cấu khu vực chứa chất thải nguy hại được bố trí theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

Sự cố hệ thống xử lý nước thải: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; khi có sự cố sẽ ngưng hoạt động hệ thống xử lý nước thải, nước thải trong các bể sẽ được bơm trở lại bể thu gom để khắc phục hệ thống, sau khi khắc phục xong hệ thống sẽ cho vận hành và xử lý lại lượng nước thải này; trường hợp sự cố xảy ra trong thời gian ngắn (khoảng 1 - 2 ngày): điều chỉnh sản lượng sản xuất phù hợp khi có sự cố hệ thống xử lý nước thải để có đủ thời gian sửa chữa phục hồi hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp sự cố xảy ra trong thời gian dài (từ 03 ngày trở lên):

ngưng hoạt động các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải khi xảy ra sự cố để khắc phục.

+ Sự cố lò hơi: có kế hoạch định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và máy móc của lò hơi; tuân thủ các quy định về an toàn lò hơi; vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật đối với lò hơi; có các van an toàn bên trong lò hơi và buồng đốt, khi sự cố xảy ra các van này sẽ ngắt hoặc khóa lại nhằm đảm bảo an toàn lò hơi.

+ Sự cố rò rỉ tác nhân lạnh (NH_3): tại các vị trí có nguy cơ rò rỉ NH_3 cần phải có hệ thống cảnh báo và phương tiện xử lý sự cố, cấp cứu như nước, ...; người làm việc cần đeo mặt nạ hoặc kính đeo mắt và khẩu trang ướt, đi ủng và găng tay cao su butyl; không để bình chứa NH_3 lỏng ở khu vực có nhiệt độ cao trên 50°C , gần lửa hay phơi nắng quá lâu; nghiêm cấm để lẫn bình, bồn chứa NH_3 với các bình chứa các chất khác, đặc biệt là bình chứa khí oxy,...

+ Sự cố rò rỉ, nổ bình gas: ban hành nội quy an toàn sử dụng gas cho những nhân viên làm việc có liên quan bao gồm các nội dung như: đối tượng sử dụng, lưu ý khi sử dụng, điều lưu kiện nơi trữ, các vấn đề cần tránh; chỉ sử dụng những bình gas được cung cấp bởi đơn vị có uy tín, có giấy phép hoạt động kinh doanh gas theo quy định.

+ Sự cố hóa chất: tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất; lắp đặt đồng hồ đo khí gas cho kho lạnh; bố trí nhà xưởng thông thoáng có lối thoát hiểm; trang bị thiết bị phòng hộ khi vận chuyển cũng như sử dụng hóa chất như găng tay, khẩu trang, mặt nạ phòng độc; huấn luyện nghiệp vụ về kỹ thuật an toàn hóa chất cho lãnh đạo, quản lý và công nhân tiếp xúc với hóa chất theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải hiện hữu.

+ Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD_5 (20°C), COD, chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Sunfua, Tổng Nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clo dư, Coliform.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị C, cột A), $K_q = 0,9$; $K_f = 1$.

- Giám sát chất thải rắn:

+ Vị trí: tại vị trí tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

+ Chỉ tiêu giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

+ Tần suất: thường xuyên và liên tục, khi có chất thải phát sinh.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20⁰C), COD, chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Sunfua, Tổng Nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clo dư, Coliform

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị C, cột A), $K_q = 0,9$; $K_f = 1$.

- Quan trắc tự động, liên tục nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm tại mương quan trắc.

+ Thông số quan trắc: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

+ Tần suất quan trắc: tự động, liên tục.

+ Nội dung: quan trắc tự động, liên tục nước thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị C, cột A) với $K_q = 0,9$; $K_f = 1$.

+ Việc lắp đặt hệ tổng quan trắc nước thải tự động, liên tục phải đảm bảo theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giám sát chất thải rắn:

+ Vị trí: tại vị trí tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

+ Chỉ tiêu giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

+ Tần suất: thường xuyên và liên tục, khi có chất thải phát sinh.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo

vệ môi trường và các quy định hiện hành có liên quan. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất, vận hành hệ thống xử lý nước thải, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện trách nhiệm về phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định.

- Thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật./.